

**Điều 8.** — Những điều khoản về sinh hoạt phi và các khoản phụ cấp khác cho học sinh đi thực tập, nói trong nghị định số 179-NĐ ngày 6-8-1953, trái với nghị định này, đều bãi bỏ.

**Điều 9.** — Nghị định này thi hành kể từ ngày ban hành ở tất cả các trường Đại học và chuyên nghiệp trung cấp nếu cần tổ chức cho sinh viên học sinh đi thực tập.

**Điều 10.** — Ông Chánh Văn phòng Bộ Giáo dục, ông Giám đốc Vụ Đại học và chuyên nghiệp, và ông Giám đốc Vụ Sư phạm chiếu nghị định thi hành.

Hà nội ngày 10 tháng 4 năm 1957.

NGUYỄN VĂN HUYỀN

## NGHỊ ĐỊNH SỐ 322-NĐ NGÀY 17-4-1957 quy định thể lệ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trường Phổ thông 10 năm.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Chiếu sắc lệnh số 119-SL ngày 9-7-1946 tổ chức Bộ Giáo dục;

Chiếu nghị định số 596-NĐ ngày 30-8-1956 ban hành quy chế Trường Phổ thông 10 năm, đặc biệt điều 22 của nghị định;

Chiếu nghị định số 125-NĐ ngày 27-2-1956 tổ chức kỳ thi tốt nghiệp Trường Phổ thông 9 năm;

Theo đề nghị của Ông Giám đốc Nha Giáo dục Phổ thông.

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay bãi bỏ nghị định số 125-NĐ ngày 27-2-1956 nói trên và quy định như sau thể lệ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trường Phổ thông 10 năm.

#### CHƯƠNG I

### THẺ LỆ TỔNG QUÁT

**Điều 2.** — Bắt đầu từ năm 1957, sẽ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp phổ thông cho tất cả học sinh lớp 10 các trường phổ thông công và tư và các tự do thi sinh đã học hết chương trình lớp 10 phổ thông.

**Điều 3.** — Kỳ thi tốt nghiệp phổ thông do khu, Sở Giáo dục phụ trách tổ chức. Giấy chứng nhận tốt nghiệp do Nha Giáo dục Phổ thông cấp.

**Điều 4.** — Kỳ thi tốt nghiệp này chỉ có một khóa thi.

Về mỗi khóa thi, Bộ Giáo dục sẽ ấn định ngày thi thống nhất và nơi tổ chức các Hội đồng thi theo đề nghị của các khu Giáo dục.

**Điều 5.** — Lúc vào thi, thi sinh phải mang theo thẻ học sinh hay giấy chứng nhận căn cước có dán ảnh, có ghi rõ ngày tháng năm sinh và nơi sinh và có chữ ký của thi sinh. Giấy căn cước của học sinh các trường công và tư phải có chữ ký của Hiệu trưởng và dấu của trường. Giấy căn cước của học sinh trường tư và của thi sinh tự do phải có thị thực của Ủy ban Hành chính từ cấp huyện trở lên.

#### CHƯƠNG II

### ĐIỀU KIỆN GHI TÊN VÀ HỒ SƠ XIN THI

**Điều 6.** — Thi sinh phải đủ 17 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm thi và đã học hết chương trình cấp 3 Trường phổ thông 10 năm trong thời gian tối thiểu 3 niên khóa.

Trong năm học lớp 10 tại một trường công hay một trường tư, nếu học sinh nào vì ốm đau hay vì lý do gì nghỉ nhiều, không đủ điểm để tổng kết, thì Hội đồng nhà trường sẽ đưa ra xét để quyết định việc cho dự thi hay không.

**Điều 7.** — Muốn dự thi, thi sinh phải nộp những giấy tờ sau đây:

a) Đơn dự thi làm theo mẫu đính kèm nghị định này, do tay thi sinh viết và ký. Trên đơn của học sinh trường công và trường tư, có chữ nhận thực của Hiệu trưởng. Đơn xin thi của quân nhân cán bộ, công nhân viên phải được Thủ trưởng đơn vị, cơ quan, đoàn thể nhận thực;

b) bản sao giấy khai sinh (bản sao phải do cơ quan hành chính từ cấp huyện hay quận trở lên thị thực);

c) bản chính học bạ hay giấy chứng nhận đã học hết chương trình cấp 3 phổ thông, trong có ghi rõ niên học của từng lớp, chủ yếu là lớp 10 phổ thông. Kể từ niên học 1956 — 1957, học bạ của học sinh các trường công và tư phải lập theo mẫu thống nhất của Nha giáo dục Phổ thông.

Từ niên học 1955 — 1956 trở về trước, các lớp 8 và 9 phổ thông có thể thay thế bằng các lớp tương đương bậc trung học cũ.

**Điều 8.** — Giấy chứng nhận đã học hết lớp 10 phổ thông hay một lớp nào thuộc cấp 3 phổ thông (hoặc lớp tương đương bậc trung học cũ) của những thi sinh tự do không học lớp đó ở một trường công hay trường tư nào phải được lập theo đúng thể thức và điều kiện dưới đây mới coi là hợp lệ:

Giấy chứng nhận cần ghi rõ:

a) Về thi sinh: họ tên, ngày tháng năm và nơi sinh, địa chỉ hay cơ quan đang công tác, tên lớp và thời gian học lớp đó:



b) Về người cấp giấy chứng nhận: họ tên, tuổi, chức vụ, địa chỉ hoặc trường hay cơ quan đang công tác.

Giấy chứng nhận phải do hai giáo sư cấp 3 (1 khoa học xã hội và 1 khoa học tự nhiên) hay hai người nào có trình độ văn hóa tương đương với hai giáo sư cấp 3 trên đây nhận thực. Giấy này phải được cơ quan giáo dục từ cấp tỉnh trở lên xác thực.

Nếu thí sinh là quân nhân, cán bộ, công nhân viên của Chính phủ hay đoàn thể, thì giấy chứng nhận phải do Thủ trưởng đơn vị quân đội từ cấp Trung đoàn trở lên, Thủ trưởng cơ quan hay đoàn thể từ cấp tỉnh trở lên nhận thực đã học hết chương trình cấp 3 phổ thông.

Giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đề xin dự thi tốt nghiệp phổ thông.

Điều 9. — Hồ sơ thi, đầy đủ và hợp lệ, phải gửi đến khu Giáo dục trước ngày hết hạn nộp đơn mới được chấp nhận. Trong mỗi khóa thi, thí sinh chỉ được xin thi ở một Hội đồng thi nhất định theo đơn xin của mình.

Học sinh trường công hay trường tư phải đưa đơn qua trường mình để nhà trường lập danh sách trước khi chuyển hồ sơ lên khu.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG THI

Điều 10. — Tại mỗi nơi thi sẽ tổ chức, tùy theo tình hình các trường trong khu và số thí sinh, một Hội đồng giám khảo kiểm giám thị hay chỉ tổ chức một hội đồng giám thị trông coi riêng kỳ thi viết.

Trong trường hợp tại nơi thi chỉ đặt một Hội đồng giám thị, việc chấm bài thi viết và tổ chức thi vấn đáp cho thí sinh sẽ tập trung vào một sở Hội đồng giám khảo trong khu.

Điều 11. — Những nhân viên Hội đồng thi trong khu đều do Ủy ban Hành chính khu cử theo đề nghị của Khu Giáo dục và báo cáo cho Nha Giáo dục Phổ thông biết.

Điều 12. — Tại mỗi Hội đồng thi (Hội đồng giám thị hay Hội đồng giám khảo), các vị Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký họp thành Ban lãnh đạo Hội đồng thi.

Hội đồng giám thị hay Hội đồng giám khảo có quyền quyết định mọi công việc trong kỳ thi.

Điều 13. — Khi có thí sinh bị bắt quả tang gian lận hay có ý gian lận, Ban lãnh đạo Hội đồng thi có quyền đuổi ngay thí sinh này khỏi phòng thi.

Quyết định này phải ghi rõ ràng vào biên bản.

CHƯƠNG IV

KỶ LUẬT

Điều 14. — Trong khi thi, thí sinh không được thông đồng với nhau hoặc với ngoài, không được mang vào phòng thi những giấy tờ, sách vở, tài liệu... Trái lệ này, thí sinh sẽ bị đuổi ra khỏi phòng thi.

Điều 15. — Thí sinh nào bị bắt quả tang gian lận hay có ý gian lận trong kỳ thi, không những bị cảnh cáo hay đuổi ngay ra khỏi phòng thi, mà còn có thể bị cấm thi trong một hay hai năm tùy theo trường hợp.

Việc cấm thi sẽ do Bộ Giáo dục quyết định.

Điều 16. — Thí sinh nào gian lận hoặc đã nộp giấy tờ có chỗ gian trá mà Hội đồng thi không bắt được quả tang, nhưng sau mới bị phát giác, cũng có thể bị cấm thi hay hủy bỏ giấy chứng nhận tốt nghiệp.

Việc hủy bỏ giấy chứng nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục quyết định.

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH THI - BÀI THI VÀ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

Điều 17. — Chương trình thi là chương trình cấp 3 trường Phổ thông 10 năm. Nhưng về mỗi khóa thi, có thể có một chương trình thi hạn chế về một số môn, do Nha Giáo dục Phổ thông ấn định, ít nhất hai tháng trước kỳ thi.

Điều 18. — Đề thi mỗi khóa sẽ do Nha Giáo dục Phổ thông chọn chung cho tất cả các Hội đồng thi trong toàn quốc.

Về các bài thi viết, trừ các bài tính đố bắt buộc, những bài thi khác sẽ ra hai đầu đề, để cho thí sinh được tùy ý chọn.

Điều 19. — Bài thi gồm có:

A. — Bài thi viết:

- 1— Tập làm văn : 3 giờ
- 2— Toán : 3 giờ
- 3— Lịch sử : 2 giờ
- 4— Vật lý : 2 giờ
- 5— Sinh ngữ (2 bài dịch : 1 bài dịch sinh ngữ ra quốc văn và 1 bài dịch quốc văn ra sinh ngữ) : 2 giờ

Mỗi giờ là 60 phút, không kể thi giờ chép đề thi.

Thí sinh có thể chọn một trong ba sinh ngữ Anh văn, Pháp văn và Hoa văn (cần ghi rõ trong đơn).

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: 84-3-3845 6684 \*  
19669427  
LAWSON



Từ niên học 1957—1958, môn sinh ngữ sẽ là môn thi bắt buộc.

Riêng về niên học 1956—1957, thí sinh có thể tình nguyện xin thi sinh ngữ.

Đối với thí sinh nào trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp mà được điểm từ «3» trở lên, về bài thi sinh ngữ tình nguyện, thì trong giấy chứng nhận trúng tuyển sẽ được ghi thêm câu «đã thi tình nguyện về sinh ngữ... (Anh văn, Pháp văn hay Hoa văn) và được điểm («3» «4» hay «5»).

### B. — Bài thi vấn đáp:

(Đối với mỗi thí sinh, mỗi bài không hỏi lâu quá 15 phút)

- |              |              |
|--------------|--------------|
| 1— Giảng văn | 3— Chính trị |
| 2— Toán      | 4— Hóa học.  |

ĐIỀU 20: Sẽ loại thí sinh qua kỳ thi viết. Qua kỳ thi viết, những thí sinh nào đã có những điểm thuộc vào trường hợp hỏng thi nếu ở điều 25 dưới đây (cụ thể là trường hợp hỏng thi 1, 2, 3), thì bị loại, không được vào vấn đáp.

ĐIỀU 21.— Kỳ thi vấn đáp sẽ tổ chức công khai. Công chúng được vào nghe nhưng phải theo đúng kỷ luật của Hội đồng thi.

ĐIỀU 22.— Các bài thi viết và thi vấn đáp đều cho điểm theo thang điểm 5 bậc, và không tính hệ số.

Thí sinh nào bỏ không thi một bài sẽ coi là bỏ dở kỳ thi và bị loại.

ĐIỀU 23.— Có tất cả 8 điểm về thi viết và thi vấn đáp: 2 điểm về quốc văn, 2 điểm về toán và 4 điểm về 4 môn lịch sử, chính trị, vật lý và hóa học.

Điều kiện trúng tuyển quy định như sau:

- 1) Tất cả các điểm đều «3» trở lên.
- 2) Có 7 điểm «3» trở lên và 1 điểm «2» về bất cứ môn nào.

ĐIỀU 24.— Có hai trường hợp được đưa ra Hội đồng thi xét, sau kỳ thi vấn đáp:

- 1) Có 2 điểm «2» về 2 môn khác nhau (các điểm khác đều «3» trở lên).
- 2) Có một điểm «1» về một môn không phải quốc văn hay toán (các điểm khác đều «3» trở lên).

Sau khi xét kết quả thi về các môn khác và học bạ của thí sinh, Hội đồng thi có thể quyết định cho trúng tuyển trong 2 trường hợp sau:

1— Trong những điểm thi về các môn khác có hai điểm trội (điểm «4» hoặc «5»): học bạ trung bình, nghĩa là học lực vào loại trung bình tư cách đạo đức trung bình, không phạm kỷ luật.

2. — Học bạ tốt, nghĩa là học lực vào hạng khá (trên trung bình), tư cách đạo đức tốt, nhưng điểm thi về các môn khác không có gì trội (không có điểm «4» hoặc «5»).

Trong việc xét vớt một thí sinh, toàn thể nhân viên Hội đồng giám khảo có quyền biểu quyết. Quyết định sẽ lấy theo đa số tương đối. Nếu số người biểu quyết ngang nhau, thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng giám khảo là ý kiến quyết định.

Nghị quyết của Hội đồng về việc vớt sẽ ghi rõ vào biên bản.

Các điểm của thí sinh được vớt vẫn giữ nguyên trong sổ ghi điểm. Chỉ cần ghi tiếng vớt vào cột Chú thích sổ ghi điểm.

Điều 25. — Trường hợp hỏng thi: Ngoài những trường hợp kể trên (điều 23 và điều 24), những trường hợp khác là hỏng thi và không được đưa ra Hội đồng thi xét. Tóm lại, những trường hợp hỏng thi ấy là:

- 1 — Có 3 điểm «2»
- 2 — Có 1 điểm «1» và 1 điểm «2»
- 3 — Có 1 điểm «1» về quốc văn hay toán
- 4 — Có 2 điểm «2» về cùng môn quốc văn hay về cùng môn toán.

Điều 26. — Tiêu chuẩn xếp hạng các thí sinh trúng tuyển quy định như sau:

1 — *Bình*: — Có 7 điểm từ «4» trở lên, và 1 điểm «3» về bất cứ môn nào.

— Có 6 điểm từ «4» trở lên và 2 điểm «3» không phải về quốc văn hay toán.

2 — *Ưu*: — Có 6 điểm «5» và 2 điểm «4» về bất cứ môn nào.

— Các điểm về quốc văn và toán đều «5», các điểm khác đều «4».

3 — *Xuất sắc*: Các điểm đều «5».

4 — *Thứ*: Những trường hợp trúng tuyển khác đều xếp vào hạng thứ.

## CHƯƠNG VI

### HỒ SƠ HỘI ĐỒNG THI

Điều 27. — Thi xong, vị Chủ tịch Hội đồng thi gửi về khu Giáo dục biên bản Hội đồng thi kèm danh sách thí sinh được vào vấn đáp và danh sách thí sinh trúng tuyển và hồ sơ kỳ thi. Biên bản phải có chữ ký của tất cả nhân viên Hội đồng thi.

Điều 28. — Khu Giáo dục, sau khi kiểm soát lại công việc của Hội đồng thi, làm báo cáo gửi về Nha Giáo dục Phổ thông, kèm theo hồ sơ thi đề xin duyệt y kết quả kỳ thi.

Kết quả kỳ thi chỉ coi là chính thức sau khi được Nha Giáo dục Phổ thông duyệt y.

Điều 29. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giáo dục và Giám đốc Nha Giáo dục Phổ thông chiếu nghị định thi hành.

Hà nội, ngày 17 tháng 4 năm 1957

NGUYỄN VĂN HUYỀN

Mẫu đơn  
(khô giấy học sinh)

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

**ĐƠN XIN THI**  
**TỐT NGHIỆP TRƯỜNG PHỔ THÔNG 10 NĂM**  
(tự tay thí sinh viết lấy và ký tên)

Tên tôi là \_\_\_\_\_ sinh ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
tại xã (hay phố) \_\_\_\_\_ huyện \_\_\_\_\_ tỉnh (hay thành phố) \_\_\_\_\_ (1)  
con ông \_\_\_\_\_ và bà \_\_\_\_\_  
học sinh lớp 10 Trường Phổ thông cấp 3 (2) \_\_\_\_\_  
Xin ông Giám đốc Khu Giáo dục \_\_\_\_\_ ghi tên tôi vào danh sách thí sinh kỳ thi tốt  
nghiệp phổ thông (khóa thi ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 19 \_\_\_\_\_) — Hội đồng thi \_\_\_\_\_

Tôi xin đính theo đây (3):

- a) Một bản sao giấy khai sinh,
- b) Bản chính học bạ hay giấy chứng nhận đã học hết chương trình cấp 3 trường phổ thông 10 năm (4).

Địa chỉ hiện thời  
của thí sinh  
(ghi rõ ràng và đầy đủ)

\_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 19 \_\_\_\_\_  
(Thí sinh ký tên)

Nhận thực lời khai trên đây là đúng (5)

\_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 19 \_\_\_\_\_  
Hiệu trưởng trường Phổ thông cấp 3 \_\_\_\_\_  
(Ký tên và đóng dấu)

**CHÚ THÍCH:**

- (1) Tên, họ, ngày tháng năm và nơi sinh phải ghi theo đúng với giấy khai sinh.
- (2) Ghi rõ: quốc lập hay tự thực và tên trường hay là thí sinh tự do (nếu là quân nhân, cán bộ, công nhân viên, sẽ ghi thêm: chức vụ và tên đơn vị, cơ quan, đoàn thể).
- (3) Giấy tờ phải đầy đủ và không được tẩy, xóa, sửa chữa. Không nhận bản sao học bạ hay bản sao giấy chứng nhận học lực.
- (4) Hoặc: học bạ hay giấy chứng nhận về các lớp tương đương với lớp 8 và 9 phổ thông, từ niên khóa 1955-58 trở về trước và học bạ hay giấy chứng nhận đã học hết lớp 10 phổ thông.
- (5) Nếu thí sinh là quân nhân, cán bộ, công nhân viên, đơn sẽ do Thủ trưởng đơn vị, cơ quan, đoàn thể nhận thực.